TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH
Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026.
V/v: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc;

2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Trần Thị Huế C, sinh năm 1996; CCCD số 072196006025 cấp ngày 12/08/2021; Địa chỉ: Khu phố T, phường B, tỉnh T (vắng mặt có đơn).

2. Bị đơn: anh Phạm Minh T, sinh năm 1992; CMND số: 291057648 cấp ngày 13/02/2009; Địa chỉ: Khu phố T, phường B, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Huế C trình bày: chị và anh T là vợ chồng chung sống và kết hôn năm 2014 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn lớn nhất là về chuyện tiền bạc. Anh T nhiều lần yêu cầu chị đi mượn tiền, nếu chị không nghe lời vợ chồng sẽ cãi vã, anh T chì chiết chửi bới, đánh đập chị làm cuộc sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Anh chị đã ly thân từ tháng 07/2025 đến nay. Chị đã cố gắng tha thứ cho chồng nhưng anh T không thay đổi mà chứng nào tật nấy. Nay

nhận thấy tình cảm không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung:

Trong quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) con chung là:

- Phạm Minh Tuấn K, sinh ngày 03/8/2015;

- Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/6/2018;

Chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

** Bị đơn anh Phạm Minh T vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huế C với anh Phạm Minh T. Về con chung: Giao con chung là Phạm Minh Tuấn K, sinh ngày 03/8/2015; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/6/2018 cho chị anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Huế C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị C, anh T sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh T nên hôn nhân của chị C, anh T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị C thì anh chị mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình, anh T yêu cầu chị đi mượn tiền, nếu chị không nghe lời vợ chồng sẽ cãi vã, anh T chửi bới, đánh đập

chị làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ tháng 07/2025 đến nay. Nay chị C xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huế C với anh Phạm Minh T.

[3] Về con chung: chị C, anh T có 02 con chung tên Phạm Minh Tuấn K, sinh ngày 03/8/20215; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/6/2018. Từ khi vợ chồng anh T, chị C ly thân đến nay 02 con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Kiệt và cháu Trúc được sống cùng anh T do vậy cần tiếp tục giao con chung cháu Kiệt và cháu Trúc cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không có yêu cầu buộc chị C cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huế C đối với anh Phạm Minh T.

2. Về con chung: giao con chung cháu Phạm Minh Tuấn K, sinh ngày 03/8/2015; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/6/2018 cho anh Phạm Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Huế C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0007318 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh T, chị C đã thi hành xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND khu vực 10 - T;
- THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly